

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **711** /UBND-KT

Sơn Động, ngày **05** tháng 6 năm 2019

V/v tham mưu báo cáo đánh giá thực
hiện Nghị định 149/2016/NĐ-CP

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch

UBND huyện nhận được Công văn số 1029/STC-QLGCS ngày 31/5/2019 của Giám đốc Sở Tài chính về việc báo cáo đánh giá thực hiện Nghị định 149/2016/NĐ-CP

Sau khi xem xét nội dung, Chủ tịch UBND huyện giao Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu với UBND huyện báo cáo theo đề cương gửi kèm. Kết quả gửi về Sở Tài chính trước **ngày 10/6/2019**./.

*(Sao gửi kèm theo Công văn số 1029/STC-QLGCS ngày 31/5/2019 của
Giám đốc Sở Tài chính; đề cương báo cáo)*

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTH_{Sinh}.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Hoàng Văn Phương

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1029/STC-QLGCS
V/v báo cáo đánh giá thực hiện
Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

Bắc Giang, ngày 31 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND huyện, thành phố Bắc Giang.

Thực hiện Công văn số 1798/UBND-KT ngày 28/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện đề nghị của Bộ Tài chính; Văn bản số 5706/BTC-QLCS ngày 20/5/2019 của Bộ Tài chính về việc đánh giá thi hành Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Để có cơ sở báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định, Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc theo chức năng, nhiệm vụ ngành, lĩnh vực quản lý giá hàng hóa, dịch vụ, UBND cấp huyện được phân công theo quy định của UBND tỉnh và văn bản pháp luật khác có liên quan; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy định về định giá Nhà nước đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang giá và các quy định khác tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Nội dung báo cáo cụ thể như sau:

1. Thực tế các văn bản QPPL phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá; định giá nhà nước đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang giá; xây dựng và tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu về giá thuộc thẩm quyền Quý cơ quan quản lý và đề nghị đánh giá những ưu điểm và kết quả đạt được.

2. Các tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân.

3. Kiến nghị, đề xuất: Để khắc phục những tồn tại, khó khăn, vướng mắc và đề xuất các chính sách quản lý giá, quy định tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật về giá liên quan cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

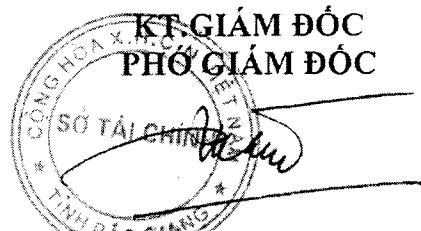
Văn bản báo cáo gửi Sở Tài chính xong trước ngày 10/6/2019 theo đề cương kèm theo Công văn này; đồng thời gửi theo địa chỉ phòng Quản lý Giá và Công sản, Sở Tài chính (gia_stc@bacgiang.gov.vn) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT. QLGCS.

Bản điện tử:

- Như trên;
- CT.UBND tỉnh (để B/C);
- GD, PGD Sở Tài chính.



Nguyễn Hoàng Phương

ĐỀ CƯƠNG
ĐÁNH GIÁ THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 149/2016/NĐ-CP

Giai đoạn thực hiện đánh giá thi hành: Từ 01/01/2017 đến 31/3/2019.

I. Về định giá Nhà nước đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang giá

1. Tình hình thi hành

- Đánh giá tổng quan chung về tình hình thực hiện định giá Nhà nước đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang giá (những ưu điểm, kết quả đạt được).

- Rà soát và điền thông tin về tình hình ban hành các quy định về giá vào Bảng thống kê văn bản định giá và Bảng rà soát, đánh giá tình hình ban hành mức giá (Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo).

- Đánh giá tác động tới ngân sách sau khi thực hiện chuyển từ cơ chế phí sang cơ chế giá.

2. Vướng mắc, khó khăn:

- Đối với trình tự soạn thảo, ban hành văn bản quy định về giá (bao gồm cả trình tự thẩm định phương án giá) theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đối với xây dựng phương án giá và thẩm định phương án giá; nêu cụ thể vướng mắc đặc thù đối với từng loại dịch vụ (nếu có) khi thực hiện theo Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với hình thức định giá (khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể), phân loại dịch vụ (sử dụng vốn ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước).

- Vướng mắc liên quan đến cơ chế tài chính và các cơ chế chính sách khác có liên quan (cấp bù, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thuế VAT, hóa đơn, chứng từ thu...).

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

- Kiến nghị, đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính và văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Kiến nghị, đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của các bộ ngành và cơ quan có thẩm quyền khác.

II. Về phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá

1. Tình hình thi hành

- Tình hình ban hành văn bản phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá theo thẩm quyền của Quý Cơ quan.

- Đánh giá sự phù hợp quy định về phân công, phân cấp quản lý giá tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP phù hợp với chức năng và thực tiễn quản lý của các bộ ngành, địa phương trong từng lĩnh vực: Bình ổn giá, đăng ký giá, định giá Nhà nước, kê khai giá, hiệp thương giá và kiểm tra yếu tố hình thành giá.

2. Vướng mắc, khó khăn

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

III. Về xây dựng và tổ chức triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Tình hình thi hành

- Công tác chỉ đạo triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá của Quý Cơ quan: Văn bản chỉ đạo, các phê duyệt triển khai thực hiện,...

- Công tác chuẩn bị các điều kiện cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá của Quý Cơ quan: Nguồn nhân lực, tài chính và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ thu thập, truyền dữ liệu, lưu trữ dữ liệu và kết nối chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đặt tại Bộ Tài chính.

- Công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá của Quý Cơ quan.

- Đối với các địa phương đang tham gia vào Dự án "*Xây dựng CSDL quốc gia về giá giai đoạn 1*": Đánh giá tình hình đăng nhập, sử dụng và khai thác đối với phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá giai đoạn 1.

2. Vướng mắc, khó khăn

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục 2: BẢNG RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH BAN HÀNH MỨC GIÁ DỊCH VỤ CHUYÊN TỪ PHÍ SANG GIÁ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

Tỉnh/Thành phố:

TT	Loại dịch vụ	Đánh giá mức giá (chưa VAT)			Các chi phí tính giá			Dự kiến thời điểm điều chỉnh giá (nếu có) và lý do điều chỉnh
		Thấp hơn mức phí (%)	Phiên ngang bằng mức phí (ghi là 0%)	Cao hơn mức phí (%)	Đã tính đủ các chi phí (ghi là Đủ)	Các chi phí chưa được tính vào mức giá (nếu có)	Lý do chưa tính đủ từng loại chi phí vào mức giá	
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý (giá cụ thể)							
2	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính (giá cụ thể)							
3	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ							
3.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng NSNN (giá cụ thể)							
3.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ đầu tư bằng vốn ngoài NSNN (giá tối đa)							
4	Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý (giá tối đa)							
5	Dịch vụ sử dụng đò, phà							
5.1	Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng vốn ngoài NSNN do địa phương quản lý (giá tối đa)							
5.2	Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng NSNN do địa phương quản lý (khung giá)							
6	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga							

6.1	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý (khung giá)							
6.2	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, do địa phương quản lý (khung giá)							
7	Dịch vụ trông giữ xe							
7.1	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng NSNN (giá cụ thể)							
7.2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng vốn ngoài NSNN (giá tối đa)							
8	Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng NSNN (giá tối đa)							
9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng NSNN (giá tối đa)							

Bar